Cấu hình IP trên CentOS 7/ Red Hat 7

- Cách cấu hình IP static cho CentOS, Redhat 7

Những điều cần nắm:

- Network Manager là một trình điều khiển mạng và cấu hình hệ thống nó giữ cho các thiết bị mạng kết nối và hoạt động khi chúng sẵn sàng

- Mặc định trên CentOS 7/RHEL7 đã được kích hoạt tính năng này khi cài đặt

- Check bằng:

+ systemctl status NetworkManager.service

- Cách cấu hình IP trực tiếp thông qua file

+ Truy cập thư mục: /etc/sysconfig/network-scripts/

+ Tìm đền tên card mạng cần cấu hình: (VD: ifcfg-eth0)

+ Thay đổi:

|  |
| --- |
| HWADDR="XXXX" # Địa chỉ MAC của card mạng  TYPE=Ethernet  BOOTPROTO=static  IPADDR=192.168.1.254 # IP Address set  NETMASK=255.255.255.0 # Netmask  GATEWAY=192.168.1.1 # Default Gateway  DNS1=8.8.8.8 # DNS server  DNS2=8.8.4.4  DEFROUTE=yes  IPV4\_FAILURE\_FATAL=no  NAME=eth0  DEVICE=eth0  ONBOOT=yes # Bật card mạng khi khởi động  PEERDNS=yes  PEERROUTES=yes |

- Reset server sau khi cài đặt

+ systemctl restart network.service

Bổ sung

- Cấu hình nhanh = lệnh:

+ ifconfig [Tên card] [Ip] netmask [net mark] up = khởi động card mạng, nhưng giá trị sẽ mất khi reboot

|  |  |
| --- | --- |
| DEVICE=<name> (Bắt buộc) | tên card mạng. |
| BOOTPROTO=<protocol> (Bắt buộc) | Giá tri protocol  + none hoặc static: Cấu hình IP tĩnh (thủ công)  + bootp: Dùng giao thức BOOTP để nhận IP từ DHCP Server.  + dhcp: Dùng giao thức DHCP để nhận IP từ DHCP Server. |
| ONBOOT==<answer> (Bắt buộc) | <answer>  + yes: Card mạng sẽ khởi chạy và load các thông số từ tập tin cấu hình khi hệ thống khởi động.  + no: Card mạng không khởi chạy khi hệ thống khởi động. Yêu cầu người dùng phải khởi động thủ công khi cần sử dụng bằng lệnh: |
| NETWORK=<address> | <address> là địa chỉ mạng đại diện cho địa chỉ IP sẽ đặt cho card mạng. Network là trường tùy chọn vì khi bỏ qua thì ipcalc sẽ tự động tính ra địa chỉ mạng dựa trên IPADDR và NETMASK. |
| IPADDR=<address> | <address> là địa chỉ IP đặt cho card mạng. |
| NETMASK=<mask> | <mask> là subnet mask của đường mạng. |
| BROADCAST=<address> | <address> là địa chỉ Broadcast của đường mạng đã đặt cho thiết bị. Tương tự như thông số NETWORK, nếu trường Broadcast được bỏ qua thì ipcalc sẽ tự động tính. |
| HWADDR=<MAC-address> | <MAC-address> là địa chỉ vật lý của card mạng. HWADDR là trường nên có khi máy tồn tại nhiều hơn 1 card mạng vật lý để tránh việc nhầm lẫn trong cấu hình. |
| PEERDNS=<answer> | <answer>:  +yes: cho phép DHCP Server thiết lập thông số DNS cho tập tin /etc/resolv.conf hay nói cách khác là chấp nhận địa chỉ DNS Server mà DHCP Server cấp cho thiết bị.  + no: ngăn chặn việc DHCP Server thiết lập thông số DNS cho tập tin /etc/resolv.conf. Điều này đồng nghĩa với việc gán địa chỉ DNS Server cho thiết bị sẽ diễn ra thủ công bằng cách dùng trường DNS vào tập tin cấu hình của thiết bị. |
| DNS{1,2}=<address> | <address> là địa chỉ IP của DNS Server sẽ hỗ trợ cho các yêu cầu phân giải của host. Có thể gán 2 địa chỉ DNS Server cho một card mạng thông qua trường DNS1 và DNS2. |
| GATEWAY=<address> | Với <address> là địa chỉ IP của Router hoặc Gateway trong mạng. |

Nguồn:

<https://www.adminvietnam.org/cau-hinh-static-ip-tren-centos-7/2186/>

<https://opalisman.wordpress.com/2014/11/07/cau-hinh-tcpip-tren-centos-7-2/>